

1257/151

**BỘ Y TẾ  
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC  
ĐÃ PHÊ DUYỆT**

Lần đầu: 09/.../09/.../2015

**Zinbebe**  
Siro

Thành phần: Mỗi 5ml siro có chứa:  
Kẽm gluconat 70mg (Tương ứng 10mg  
kẽm-Zn) Tá dược vđ 5ml.

Chỉ định, Cách dùng - Liều dùng,  
Chống chỉ định và các thông tin khác:  
Xem tờ hướng dẫn sử dụng thuốc.

Bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C.

Số lô SX:  
Ngày SX:  
HD:

SX tại: C.TY C.P.D.P HÀ TÂY

**Zinbebe**  
Siro

*pa*



**Zinbebe**  
Siro

Hộp Box of 1 Lọ Bottle 50 ml

**Thành phần/ Compositions:**  
Mỗi 5ml siro có chứa/ Each  
5ml sirup contains  
Kẽm gluconat 70mg (Tương  
ứng 10mg kẽm-Zn)/  
Zinc gluconate 70mg  
(equivalent to 10mg zinc)  
Tá dược vđ/ Excipient q.s.f 5ml.

**Chỉ định, Cách dùng-Liều dùng,  
Chống chỉ định và các thông tin  
khác/ Indications, Administration  
-Dosage, Contraindications and  
other information:**  
Xem tờ hướng dẫn sử dụng  
thuốc bên trong hộp/  
See the package insert inside.

**Để xa tầm tay trẻ em/  
Keep out of reach of children  
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng  
trước khi dùng/ Carefully  
read the accompanying  
instructions before use**

**Zinbebe**  
Siro

Hộp Box of 1 Lọ Bottle 50 ml

**Bảo quản/ Storage:**  
Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C/  
Store in a dry place, below 30°C.

**Tiêu chuẩn/ Specifications:**  
TCOS/ Manufacturer's

**SDK (Reg.No):**  
Số lô SX (Lot No):  
Ngày SX (Mfg. Date):  
HD (Exp. Date):

Sản xuất tại/ Manufactured by  
**CÔNG TY C.P DƯỢC PHẨM HÀ TÂY/**  
HATAY PHARMACEUTICAL J.S.C  
(HATAPHAR)  
Tổ dân phố số 4, Phường La Khê  
Quận Hà Đông, TP. Hà Nội/  
Population Groups No 4, La Khê Ward  
Ha Dong District, Ha Noi City

**GMP-WHO**



**BỘ Y TẾ  
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC  
ĐÃ PHÊ DUYỆT**

Lần đầu: 09 / 09 / 2015

**Zinbebe**  
Siro

**Zinbebe**

Siro

Lọ  
Bottle 60  
SDK (Reg. No.)

**Thành phần:** Mỗi 5ml siro có chứa  
Kẽm gluconat 70mg (Tương ứng 10mg  
kẽm-Zn)/ Tá dược vđ 5ml.

**Chỉ định, Cách dùng - Liều dùng,  
Chống chỉ định và các thông tin khác:**  
Xem tờ hướng dẫn sử dụng thuốc.

**Bảo quản:** Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C

Số lô SX

Ngày SX

HD

SX tại: C.TY C.P.D.P HÀ TÂY



**Zinbebe**  
Siro

**Thành phần/ Compositions.**  
Mỗi 5ml siro có chứa/ Each  
5ml sirup contains:

Kẽm gluconat 70mg (Tương  
ứng 10mg kẽm-Zn)/  
Zinc gluconate 70mg  
(equivalent to 10mg zinc)  
Tá dược vđ/ Excipient q.s.f 5ml

**Chỉ định, Cách dùng-Liều dùng,  
Chống chỉ định và các thông tin  
khác/ Indications, Administration  
-Dosage, Contraindications and  
other information:**

Xem tờ hướng dẫn sử dụng  
thuốc bên trong hộp/  
See the package insert inside

Để xa tầm tay trẻ em/  
Keep out of reach of children  
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng  
trước khi dùng/ Carefully  
read the accompanying  
instructions before use

Hộp  
Box of 1 Lọ  
Bottle 60 ml

**Zinbebe**  
Siro

**Bảo quản/ Storage:**

Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C/  
Store in a dry place, below 30°C

**Tiêu chuẩn/ Specifications:**  
TCCS/ Manufacturer's

**SDK (Reg. No):**

Số lô SX (Lot No):

Ngày SX (Mfg. Date):

HD (Exp. Date):

Sản xuất tại/ Manufactured by  
**CÔNG TY C.P.DƯỢC PHẨM HÀ TÂY/**  
HATAY PHARMACEUTICAL J.S.C  
(HATAPHAR)

Tổ dân phố số 4, Phường La Khê,  
Quận Hà Đông, TP. Hà Nội/  
Population Groups No.4, La Khê Ward,  
Hà Đông District, Hà Nội City.





## Hướng dẫn sử dụng thuốc ZINBEBE

- **Dạng thuốc:** Siro

- **Qui cách đóng gói:** Hộp 1 lọ x 50ml, hộp 1 lọ x 60ml.

- **Công thức bào chế cho (5ml) thành phẩm:** Mỗi 5 ml siro chứa:

Kẽm gluconat 70 mg

(tương ứng 10mg Kẽm- Zn)

Tá dược vđ 5 ml

(Tá dược gồm: Natri citrat, acid citric, gôm arabic, glycerin, nipagin, nipasol, natri saccharin, đường trắng, bột hương vị dâu, nước tinh khiết.)

- **Các đặc tính dược lực học:**

\* Kẽm là thành phần cấu tạo của nhiều enzym quan trọng như: carbonic anhydrase, carboxypeptidase A và B, glutamic dehydrogenase, lactic dehydrogenase và nhiều enzym khác. Kẽm cần cho sự tổng hợp acid nucleid, glucid, protid. Giữ cho sự toàn vẹn của các mô.

- **Các đặc tính dược động học:**

\* Kẽm có thể liên kết với các nhóm hydryl, amino, imidozol acid và các phân tử hữu cơ khác. Kẽm được hấp thu chủ yếu qua tá tràng, sau đó gắn kết lỏng lẻo với protein huyết tương và nhanh chóng đi đến các mô của cơ thể. Nồng độ kẽm trong huyết tương giảm ở phụ nữ mang thai và cho con bú.

\* Kẽm hiện diện trong tất cả các mô của cơ thể và tập trung với nồng độ cao ở tuyến tiền liệt và màng mạch của mắt (mạch mạc mắt).

\* Sự hấp thu của kẽm tại tá tràng giảm khi có sự hiện diện của oxylat, phosphat, canci, đồng và tăng khi có sự hiện diện của glucose, các amino acid, iodoquinol và các chất tạo phức chelat.

\* Mỗi ngày có khoảng 2-5mg kẽm được đào thải qua tuyến tụy và qua đường ruột, khoảng 500mm - 800mm kẽm được đào thải qua ống thận, khoảng 500mm kẽm được bài tiết qua mồ hôi.

\* Khoảng 99% lượng kẽm trong cơ thể nằm trong các tế bào, phần còn lại được tìm thấy trong huyết tương và các dịch ngoại bào. Nồng độ kẽm trong huyết tương khoảng 100mm/100ml, trong đó khoảng 70% liên kết với albumin, phần còn lại chủ yếu liên kết với a<sub>2</sub>-macroglobulin.

- **Chỉ định:**

Chế phẩm dùng bổ sung, dự phòng thiếu kẽm các trường hợp sau:

+ Bệnh còi xương, suy dinh dưỡng, chậm tăng trưởng ở trẻ em.

+ Phụ nữ mang thai và bà mẹ cho con bú.

+ Chế độ ăn kiêng hoặc thiếu cân bằng, nuôi ăn lâu dài qua đường tĩnh mạch.

+ Tiêu chảy cấp và mãn tính.

+ Rối loạn tiêu hóa: chán ăn chậm tiêu, táo bón nhẹ, buồn nôn và nôn khi mang thai.

+ Nhiễm trùng tái diễn đường hô hấp, tiêu hóa, da.

+ Khô da, vết thương chậm lành (bong, lở loét do nằm lâu)

+ Khô mắt, loét giác mạc, quáng gà.

+ Thiếu kẽm nặng được đặc trưng bởi các tổn thương da và niêm mạc điển hình như: viêm ruột, viêm da đầu chi, loạn dưỡng móng (móng nhăn, có vệt trắng, chậm mọc), khô mắt, viêm quanh lỗ tự nhiên (âm hộ, hậu môn), tiêu chảy.





**- Cách dùng- Liều dùng:**

Trẻ em dưới 6 tuổi: Uống 2,5ml/ ngày.

Người lớn và trẻ em trên 6 tuổi: Uống 5ml/ ngày.

Phụ nữ mang thai, phụ nữ đang cho con bú: Uống 10ml/ ngày.

Uống sau bữa ăn.

**- Chống chỉ định:**

Mẫn cảm với một trong các thành phần của thuốc.

Suy gan, thận hay tuyến thượng thận trầm trọng.

Tiền căn bệnh sỏi thận.

**- Thận trọng:**

Thận trọng khi dùng viên kẽm trong giai đoạn loét dạ dày tá tràng tiến triển và nôn ói cấp tính.

Dùng kẽm liều cao, lâu ngày sẽ làm thiếu đồng (do làm giảm hấp thu) gây rối loạn huyết học (do thiếu hồng cầu và giảm bạch cầu trung tính).

**- Sử dụng cho phụ nữ có thai và đang cho con bú:** Bổ sung nhu cầu hằng ngày theo chỉ định của bác sĩ (không quá 45mg kẽm/ngày).

**- Lái xe và vận hành máy móc:** Thuốc không ảnh hưởng đến khả năng vận hành máy móc hay lái tàu xe

**- Tác dụng không mong muốn của thuốc:** có thể gặp các triệu chứng đau bụng, khó tiêu, buồn nôn, nôn mửa, tiêu chảy, kích thích dạ dày và viêm dạ dày. Đặc biệt các triệu chứng này thường gặp hơn khi uống thuốc lúc đói và có thể khắc phục bằng uống trong bữa ăn.

*\* Ghi chú: "Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc".*

**- Tương tác với thuốc khác, các dạng tương tác khác:**

Không dùng phối hợp với tetracyclin, ciprofloxacin, hay các thuốc có chứa sắt, thuốc chữa bệnh dạ dày dạng nhũ dịch do sẽ tạo ra một phức chất làm giảm hấp thu thuốc ở ống tiêu hóa. Kẽm làm giảm hấp thu đồng.

**- Quá liều và xử trí:** Có thể gây nôn, rối loạn tiêu hóa. Khi xuất hiện những triệu chứng quá liều nên ngừng thuốc ngay và tới cơ sở y tế gần nhất.

+ Khi uống Kẽm nồng độ cao kéo dài sẽ làm thiếu đồng (do làm giảm hấp thu) gây nên thiếu máu do thiếu hồng cầu và giảm bạch cầu trung tính. Có thể dùng các thuốc tạo chelat (EDTA) để loại trừ kẽm trong huyết thanh.

+ Trong ngộ độc cấp tính, muối kẽm bị ăn mòn dần do sự hình thành Kẽm clorid từ acid dạ dày. Xử trí bằng cách cho uống sữa, cacbonat kiềm hoặc than hoạt tính. Nên tránh dùng biện pháp gây nôn hay rửa dạ dày.

**- Hạn dùng:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất. **Không được dùng thuốc đã quá hạn dùng.**

*\* Lưu ý* Khi thấy thuốc bị vẩn đục, chuyển mùi chua, số lô SX, HD mờ hay có các biểu hiện nghi ngờ khác phải đem thuốc tới hỏi lại nơi bán hoặc nơi sản xuất theo địa chỉ trong đơn.

**-Bảo quản:** Nơi khô, nhiệt độ dưới 30<sup>0</sup>C.

**-Tiêu chuẩn áp dụng:** TCCS.

**Để xa tầm tay trẻ em**

**"Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng  
Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ"**



**THUỐC SẢN XUẤT TẠI: CÔNG TY C.P DƯỢC PHẨM HÀ TÂY**  
Tổ dân phố số 4 - La Khê - Hà Đông - TP. Hà Nội  
ĐT: 04.33522203 . FAX: 04.33522203

**CÔNG TY C.P DƯỢC PHẨM HÀ TÂY**



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
ĐS. Nguyễn Bá Lai



TUQ CỤC TRƯỞNG  
P.TRƯỞNG PHÒNG  
Nguyễn Thị Thu Thủy

